

# はるさんハウスはどこですか

Haru-san-Hausu wa doko desu ka

Haru-san House ở đâu ạ?



## Hội thoại hôm nay

タム : すみません。

Tâm : Sumimase<sup>n</sup>.

Xin lỗi cho tôi hỏi.

はるさんハウスはどこですか。

Haru-san-Ha<sup>u</sup>su wa do<sup>k</sup>o de<sup>s</sup>u ka.

Haru-san House ở đâu ạ?

かいと : はるさんハウス?

Kaito : Haru-san-Ha<sup>u</sup>su?

Haru-san House á?

あれ? ぼくたちのうちだよ。

Are? Bo<sup>k</sup>utachi no uchi<sup>i</sup> da yo ne.

Ờ? Đấy là nhà bọn mình nhỉ.

ミーヤー : すぐ近くです。

Mi Ya : Su<sup>g</sup>u chi<sup>k</sup>aku de<sup>s</sup>u.

Ngay gần đây thôi.

いっしょに行きましょう。

Issho ni ikimasho<sup>o</sup>.

Đi cùng với bọn mình đi.

かいと : こっちだよ。

Kaito : Kocchi<sup>i</sup> da yo.

Đường này.

タム : はい。ありがとうございます。

Tâm : Ha<sup>i</sup>. Ari<sup>g</sup>atoo gozaima<sup>s</sup>u.

Vâng.

Xin cảm ơn.

### Từ vựng

すみません Xin lỗi cho tôi hỏi  
sumimase<sup>n</sup>

どこ ở đâu  
do<sup>k</sup>o

ぼくたち bọn mình  
bo<sup>k</sup>utachi

うち nhà  
uchi

すぐ近く ngay gần  
su<sup>g</sup>u chi<sup>k</sup>aku

いっしょ cùng với  
issho ni

行く đi  
iku

こっち đường này  
kocchi<sup>i</sup>

はい Vâng  
ha<sup>i</sup>



# はるさんハウスはどこですか。

Haru-san-Ha<sup>1</sup>usu wa do<sup>1</sup>ko de<sup>1</sup>su ka.

**Haru-san House ở đâu ạ?**

Khi hỏi địa điểm dùng câu “[địa điểm] wa doko desu ka”. “Wa” là trợ từ chỉ chủ đề và đứng sau danh từ. Trợ từ này được viết là “は (ha)”, nhưng đọc là “wa”. Tiếp đến là từ để hỏi “doko” (ở đâu), rồi thêm “desuka” và lên giọng ở cuối câu thành câu hỏi.

**Luyện tập**

すみません。トイレはどこですか。

Sumimase<sup>1</sup>n. To<sup>1</sup>ire wa do<sup>1</sup>ko de<sup>1</sup>su ka.

あそこです。

Asoko de<sup>1</sup>su.

Xin lỗi cho tôi hỏi. Nhà vệ sinh ở đâu ạ?  
Ở đằng kia.



**Thực hành**

すみません。～はどこですか。

**Xin lỗi cho tôi hỏi. ... ở đâu ạ?**

Sumimase<sup>1</sup>n. ~wa do<sup>1</sup>ko de<sup>1</sup>su ka.

① 駅

e<sup>1</sup>ki

ga



② コンビニ

konbini

cửa hàng tiện lợi



Mở rộng

**ありがとうございます。**

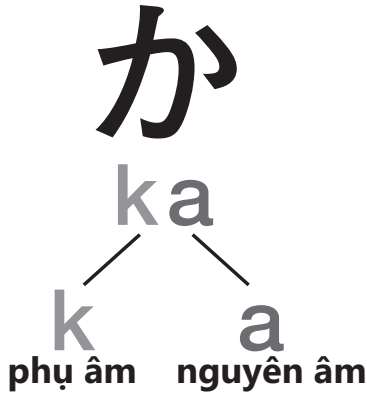
Ari<sup>1</sup>gattoo gozaima<sup>1</sup>su.

Xin cảm ơn.

Là câu cảm ơn. Nếu người nghe là bạn bè hay người thân trong gia đình, thì có thể nói ngắn gọn là “arigatoo”.

# Âm tiếng Nhật

Hầu hết âm tiết tiếng Nhật được tạo thành bởi 1 phụ âm và 1 nguyên âm.



Trọng âm trong tiếng Nhật không phải độ mạnh yếu mà là cao thấp. Mỗi từ có chỗ xuống giọng hay không xuống giọng nhất định. Chỗ xuống giọng được thể hiện bằng dấu ˊ.

aˊme

mưa



aˊme

kẹo



Aˊme ga furimaˊshita

Trời mưa.

Aˊme ga furimaˊshita

Kẹo rơi.

- Đáp án
- ① すみません。駅はどこですか。
  - ② すみません。コンビニはどこですか。

Sumimaseˊn. Eˊki wa doˊko deˊsu ka.

Sumimaseˊn. Konbini wa doˊko deˊsu ka.